TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 132/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/ 5/2018.
Về việc "Ly hôn và tranh chấp con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Huỳnh Lý**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Long**.

Ông **Nguyễn Tấn Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kiều Hoanh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Tiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công K1i vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2018 V/v: "*Ly hôn và tranh chấp con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm: 1977. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Phạm Minh K, sinh năm: 1978. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Phạm Minh K đăng ký kết hôn vào năm 2004 là hoàn toàn tự nguyện và theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà S và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cải vã; ông K không lo làm ăn mà thường xuyên ăn chơi, đánh bài bạc; bản thân bà S và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông K vẫn không thay đổi. Nay, cuộc sống hôn nhân của bà S và ông K không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành giải quyết được ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu TAND huyện giao các cháu Phạm Anh V sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T sinh ngày 17/7/2009 và Phạm Minh K1 sinh ngày 02/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Hồng S nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông

Phạm Minh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà S nhận thấy ông K không lo làm ăn và không có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn ông Phạm Minh K trình bày: Ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Hồng S đăng ký kết hôn từ năm 2004 là hoàn toàn tự nguyện và theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông K và bà S có 03 con chung là Phạm Anh V sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T sinh ngày 17/7/2009 và Phạm Minh K1 sinh ngày 02/7/2013. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng ông K và bà S đôi lúc không hòa thuận, nguyên nhân là do ông K không có việc làm nên đôi lúc nóng tính có hay gây gỗ với vợ con. Nay, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông K không thống nhất, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông K và bà S được đoàn tụ để về cùng nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Phạm Minh K; Về con chung: Giao các cháu Phạm Anh V, sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T, sinh ngày 17/7/2009 và Phạm Minh K1, sinh ngày 02/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Hồng S nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Hồng S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Minh K trú tại: Thôn P, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy việc khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Ông Phạm Minh K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng S và ông Phạm Minh K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ (nay là UBND xã Tam Mỹ Đông), huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của bà S và ông K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì giữa bà S và ông K

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không lo làm phụ giúp gia đình mà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, không quan tâm vợ con; vợ chồng bà S ông K bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cải vã nên tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà S vẫn kiến quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông K có yêu cầu đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Phạm Minh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giữa bà S và ông K có 03 con chung tên là Phạm Anh V, sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T, sinh ngày 17/7/2009 và Phạm Minh K1, sinh ngày 02/7/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với các con chung là Phạm Anh V sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T sinh ngày 17/7/2009 hiện nay đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của các con (cháu V và cháu T yêu cầu giao cho bà S nuôi dưỡng) nên cần xem xét chấp nhận giao cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Đối với cháu Phạm Minh K1, sinh ngày 02/7/2013 hiện nay đang được bà S nuôi dưỡng. Do vậy để ổn định sự phát triển của cháu K1 nên cần tiếp tục giao cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng S về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn ông Phạm Minh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng S được ly hôn với ông Phạm Minh K.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 03 (ba) con chung là Phạm Anh V, sinh ngày 20/01/2006, Phạm Minh T, sinh ngày 17/7/2009 và Phạm Minh K1, sinh ngày 02/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Hồng S nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Phạm Minh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng.

- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001793 ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ, án V.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Huỳnh Lý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Hương **Trần Thị Long** **Đinh Thị Huỳnh Lý**